TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 10 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Tuyết Kha**

2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều Tr,** sinh năm 1999**;** Địa chỉ: ấp Y, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều Tr trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện sống chung từ năm 2016, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/12/2017. Vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng tháng 4/2019 đến nay do vợ chồng sống chung mâu thuẫn, anh T thường xuyên

chửi và đe dọa chị, chị không thể sống chung được nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời khai của chị Tr về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân. Nay Tr yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và con.

Về con chung: Anh và chị Tr có 01 người con chung như chị Tr trình bày là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh không đồng ý giao con chung cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị Tr nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì anh không có thu nhập.

Về tài sản: Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Tr và anh Trường đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Tr được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị Tr và anh T thống nhất có 01 người con chung là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017, hiện đang sống chung với chị Tr. Mặc dù chị Tr chưa có thu nhập nhưng cháu H sống cùng chị Tr phát triển tốt. Tính đến thời điểm xét xử cháu H dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần thiết giao cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017 cho chị Tr được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung, đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con, anh T cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T tự nguyện sống chung từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị Tr và anh T đã ly thân từ tháng 04/2019 đến nay, anh T có hàn gắn hôn nhân nhưng chị Tr không đồng ý hàn gắn. Mặt khác anh T cũng thừa nhận trong thời gian sống chung, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh có chửi chị Tr và dùng lời lẻ đe dọa chị Tr. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau"* nhưng anh T đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được và tại phiên tòa chị Tr vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị Tr và anh T thống nhất có một người con chung là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017, hiện đang sống chung với chị Tr. Xét thấy cháu H sống với chị Tr từ khi ly thân cho đến nay và mặc dù chị Tr chưa có thu nhập nhưng chị Tr và anh T đều thừa nhận hiện nay cháu H phát triển tốt. Mặt khác theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng..."*, tính đến ngày xét xử cháu H dưới 36 tháng tuổi. Từ đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Tr: Giao cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017 cho chị Tr được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do anh T không có thu nhập là không có căn cứ để được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr: Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017 với mức cấp dưỡng 745.000đ/tháng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản: Chị Tr và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều Tr được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/7/2017 với mức cấp dưỡng 745.000đ/tháng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ. Chị Tr đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014179 ngày 08/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly